

Số: 31 /CV-DLG

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Mã chứng khoán: DLG
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

Đính chính nội dung giải trình liên quan BCTC đã được kiểm toán năm 2021 tại công văn số 22/2022/CV-DLG ngày 31/03/2022. Nội dung giải trình này có xác nhận của công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Lý do: Ngày 31/3/2022, Công ty đã thực hiện công bố thông tin công văn số 22/2022/CV-DLG ngày 31/03/2022 về việc giải trình liên quan BCTC năm 2021 đã được kiểm toán. Tuy nhiên do lỗi soạn thảo văn bản nên công văn 22/2022/CV-DLG đã công bố có một số lỗi và thiếu sót. Nay chúng tôi xin được đính chính và bổ sung như sau:

| STT | Nội dung thông tin đã công bố | Nội dung đính chính lại |
|-----|---|--|
| 1 | Tại mục “II. Giải trình lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính tự lập quý 4/2021 có sự chênh lệch từ 5% trở lên so với báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán: 2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:” | |
| 1.1 | Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau: - Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 24,4 tỷ đồng, do điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. | Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau: - Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 24,4 tỷ đồng, do điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. |
| 2 | Tại mục “III. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021.” | |
| 2.1 | Vấn đề cần nhấn mạnh số 1: ... Chúng tôi giải trình như sau: Công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 26 của Nghị định số 71/NĐ – CP ngày 06/6/2017. Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 19/06/2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các hợp | Vấn đề cần nhấn mạnh số 1: ... Chúng tôi giải trình như sau: Công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 138, 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-ĐLGL vào ngày 01/02/2021 về việc thông qua chủ trương thực hiện các |

| STT | Nội dung thông tin đã công bố | Nội dung đính chính lại |
|-----|--|---|
| | đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng và người có liên quan. Ngày 01/02/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan. Tất cả các khoản cho vay đều có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của tại BCTC kiểm toán năm 2021. | hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 cũng đã thông qua Nghị quyết ngày 19/06/2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Với số liệu đã được trình bày tại BCTC kiểm toán năm 2021 tất cả các khoản cho vay đều có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Ngoài ra, nội dung giao dịch các bên liên quan luôn được trình bày trong thuyết minh BCTC kiểm toán năm và được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua. |
| 2.2 | Vấn đề cần nhấn mạnh số 2: ... Chúng tôi giải trình như sau: ... Tuy nhiên, trong năm 2021, Công ty đã cơ bản thực hiện thành công phương án tái cấu trúc tình hình tài chính của Doanh nghiệp, rà soát sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy nhân sự ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 để tập trung nguồn vốn giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, vay khác với số tiền 224.547.817.346 đồng (trong đó Công ty mẹ số tiền 224.547.817.346 đồng), giảm chi phí lãi vay ... | Vấn đề cần nhấn mạnh số 2: ... Chúng tôi giải trình như sau: ... Tuy nhiên, trong năm 2021, Công ty đã cơ bản thực hiện thành công phương án tái cấu trúc tình hình tài chính của Doanh nghiệp, rà soát sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy nhân sự ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 để tập trung nguồn vốn nhằm giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, vay khác với số tiền 779.084.458.249 đồng (trong đó Công ty mẹ số tiền 224.547.817.346 đồng), giảm chi phí lãi vay so với năm 2020. ... |

Những nội dung khác trong công văn 22/2022/CV-DLG ngày 31/03/2022 không thay đổi.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/4/2022 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Công văn số 30 /2022/CV-DLG
ngày 18/04/2022

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

Số : 30 /2022/CV-DLG

“V/v giải trình BCTC riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán _đính chính”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Pleiku, ngày 18 tháng 4 năm 2022

Kính gửi : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt và công bố thông tin đại chúng;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) giải trình chênh lệch liên quan đến Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt như sau:

I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo năm 2020; Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ ở báo cáo năm 2020 sang lãi ở năm 2021:

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ:

| Stt | Chỉ tiêu | Sau kiểm toán | | Chênh lệch | % Tăng/ giảm |
|-----|--|------------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------|
| | | Năm 2021 | Năm 2020 | | |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 83.827.047.782 | 311.504.257.903 | (227.677.210.121) | (73,09) |
| 2 | Doanh thu thuần về bh và c.cấp dịch vụ | 83.827.047.782 | 311.504.257.903 | (227.677.210.121) | (73,09) |
| 3 | Giá vốn hàng bán | 82.538.588.074 | 362.700.017.324 | (280.161.429.250) | (77,24) |
| 4 | Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ | 1.288.459.708 | (51.195.759.421) | 52.484.219.129 | |
| 5 | Doanh thu hoạt động tài chính | 221.253.700.988 | 155.082.877.214 | 66.170.823.774 | 42,67 |
| 6 | Chi phí tài chính | 215.196.393.437 | 836.326.432.978 | (621.130.039.541) | (74,27) |
| 7 | Chi phí bán hàng | 192.438.210 | 237.179.278 | (44.741.068) | (18,86) |
| 8 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | (37.659.775.268) | 281.358.334.847 | (319.018.110.115) | |
| 9 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 44.813.104.317 | (1.014.034.829.310) | 1.058.847.933.627 | |
| 10 | Thu nhập khác | 282.866.785 | 1.571.219.942 | (1.288.353.157) | (82,00) |
| 11 | Chi phí khác | 8.406.520.575 | 30.507.765.091 | (22.101.244.516) | (72,44) |
| 12 | Lợi nhuận khác | (8.123.653.790) | (28.936.545.149) | 20.812.891.359 | (71,93) |
| 13 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 36.689.450.527 | (1.042.971.374.459) | 1.079.660.824.986 | |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 36.689.450.527 | (1.042.971.374.459) | 1.079.660.824.986 | |

Nguyên nhân chênh lệch như sau:

- Trong năm 2021, Do dịch Covid-19 bùng phát đợt 4 tại Việt Nam rất khốc liệt với nhiều loại biến chủng cực kỳ nguy hiểm và kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một số ngành nghề tạm dừng hoạt động là nguyên nhân dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 227,7 tỷ đồng, giá vốn trong năm cũng giảm 280,2 tỷ đồng. Nhưng lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 52,4 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 66,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do điều chỉnh lãi suất cho vay theo lãi suất của thị trường và phát sinh khoản lãi từ thoái vốn các công ty con.

- Chi phí tài chính giảm 621,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do khoản lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư giảm và trích lập dự phòng đầu tư tài chính giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 319 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do trích lập nợ phải thu khó đòi trong năm giảm so với năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

- Chi phí khác giảm 22,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do điều chỉnh lại chi phí tiền chậm nộp năm 2021 và không phát sinh khoản chuyển nhượng dự án.

- Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2020 từ lỗ 1.042,9 tỷ đồng sang năm 2021 lợi nhuận sau thuế TNDN lãi số tiền: 36,6 tỷ đồng.

2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

| Stt | Chỉ tiêu | Sau kiểm toán | | Chênh lệch | % Tăng/ giảm |
|-----|---|-------------------|-------------------|-------------------|-----------------|
| | | Năm 2021 | Năm 2020 | | |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.549.207.937.792 | 2.039.143.865.644 | (489.935.927.852) | (24,03) |
| 2 | Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ | 1.544.441.771.129 | 2.034.491.502.664 | (490.049.731.535) | (24,09) |
| 3 | Giá vốn hàng bán | 1.255.642.599.680 | 1.670.179.377.659 | (414.536.777.979) | (24,82) |
| 4 | Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ | 288.799.171.449 | 364.312.125.005 | (75.512.953.556) | (20,73) |
| 5 | Doanh thu hoạt động tài chính | 359.198.193.913 | 173.239.167.233 | 185.959.026.680 | 107,34 |
| 6 | Chi phí tài chính | 494.692.938.555 | 823.693.957.827 | (329.001.019.272) | (39,94) |
| 7 | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết | (329.172.329) | 106.040.426 | (435.212.755) | |
| 8 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 120.227.377.056 | 523.196.403.522 | (402.969.026.466) | (77,02) |
| 9 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 14.712.728.749 | (828.378.523.340) | 843.091.252.089 | |
| 10 | Thu nhập khác | 7.389.796.447 | 15.558.698.148 | (8.168.901.701) | (52,50) |
| 11 | Chi phí khác | 17.391.117.902 | 48.015.451.614 | (30.624.333.712) | (63,78) |
| 12 | Lợi nhuận khác | (10.001.321.455) | (32.456.753.466) | 22.455.432.011 | (69,19) |
| 13 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4.711.407.294 | (860.835.276.806) | 865.546.684.100 | |
| 14 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 8.089.230.124 | 13.647.349.906 | (5.558.119.782) | (40,73) |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (15.170.424.775) | 54.110.950.151 | (69.281.374.926) | |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 11.792.601.945 | (928.593.576.863) | 940.386.178.808 | |

Nguyên nhân chênh lệch như sau:

- Doanh thu trong năm của Tập đoàn giảm so với cùng kỳ năm 2020 là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) liên tục làm gián đoạn nền kinh tế và giao dịch toàn cầu. Đặc biệt ảnh hưởng từ việc sụt giảm mạnh từ doanh thu bán linh kiện điện tử của Công ty MassNoble tại Hong Kong những khách hàng chính với lượng hàng tồn kho dư thừa từ các năm trước khiến đơn hàng của họ cũng giảm đáng kể trong năm 2021 và trong nước, doanh thu thu phí tại 04 trạm BOT giảm do giãn cách xã hội,... Vì vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm 489,9 tỷ đồng, đồng thời giá vốn hàng bán giảm 414,5 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 75,5 tỷ đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 186 tỷ đồng, do Công ty mẹ điều chỉnh lãi suất cho vay theo lãi suất thị trường và trong năm 2021 phát sinh khoản lãi từ thoái vốn các công ty con.

- Chi phí hoạt động tài chính giảm 329 tỷ đồng, do chi phí lãi vay và khoản lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư giảm so với cùng kỳ năm 2020.

- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết giảm do lợi nhuận sau thuế TNDN tại Công ty liên kết giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm giảm 402 tỷ đồng, chủ yếu do trích lập nợ phải thu khó đòi trong năm giảm so với năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

- Thu nhập khác tại công ty con giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí khác trong năm giảm 30,6 tỷ đồng, do Công ty mẹ điều chỉnh giảm tiền chậm nộp, không phát sinh chi phí thanh lý giá trị còn lại của vườn cây phá bỏ tại Công ty con và Công ty mẹ không phát sinh khoản chuyển nhượng dự án trong năm 2021.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 5,5 tỷ đồng chủ yếu tại Công ty con phát sinh lỗ nên không có chi phí thuế TNDN.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm 69,2 tỷ đồng, nguyên nhân chính loại trừ khoản hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư tài chính công ty mẹ vào các công ty con thoái vốn trong năm.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2020 từ lỗ 928,5 tỷ đồng sang năm 2021 lợi nhuận sau thuế TNDN lãi số tiền: 11,7 tỷ đồng.

II. Giải trình lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính tự lập quý 4/ 2021 có sự chênh lệch từ 5% trở lên so với báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán:

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ:

| Khoản mục | BCTC riêng lẻ năm 2021 (Đã kiểm toán) | BCTC riêng lẻ Quý 4/2021 (Chưa kiểm toán) | Chênh lệch |
|--|---------------------------------------|---|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 36.689.450.527 | 30.890.166.739 | 5.799.283.788 |

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

- Chi phí tài chính tăng 11,29 tỷ đồng, do trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty con tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm hơn 30,37 tỷ đồng, do hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng.

- Thu nhập khác giảm do trình bày lại thu nhập bán gỗ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khác tăng 1,5 tỷ đồng, do một số tài sản cố định không tạo ra doanh thu trong năm 2021 nên điều chỉnh chi phí khấu hao trong năm sang chi phí khác.

- Từ các nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế TNDN tăng 5,7 tỷ đồng.

2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

| Khoản mục | BCTC hợp nhất năm 2021 (Đã kiểm toán) | BCTC riêng lẻ Quý 4/2021 (Chưa kiểm toán) | Chênh lệch |
|--|---------------------------------------|---|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.792.601.945 | 14.478.239.934 | (2.685.637.989) |

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 24,4 tỷ đồng, do điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

312
CÔNG
HÀNH
TOÁN
HỮU
- TP

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 31,4 tỷ đồng, do ghi nhận tăng lãi thoái vốn công ty con từ khoản đã ghi nhận trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ điều chỉnh sau kiểm toán.

- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết giảm 115 triệu đồng, do trích lập nợ phải thu khó đòi tăng dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN tại công ty liên kết cũng giảm theo.

- Chi phí bán hàng giảm 1,9 tỷ đồng, do điều chỉnh giảm chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài tại công ty con.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 22,8 tỷ đồng, do giảm trích lập dự phòng và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

- Thu nhập khác giảm do công ty mẹ trình bày lại thu nhập bán gỗ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng 6 tỷ đồng từ việc loại trừ khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính công ty mẹ vào công ty con giảm và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi trích lập tại Công ty con tăng.

- Từ các nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN giảm 2,6 tỷ đồng.

III. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021.

Vấn đề cần nhấn mạnh số 1:

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: *“Tại Thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng), Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.124.750.308.109 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.*

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: *“Theo thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất), Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.278.295.423.735 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.”*

Chúng tôi giải trình như sau: Công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 138, 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-ĐLGL vào ngày 01/02/2021 về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 cũng đã thông qua Nghị quyết ngày 19/06/2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Với số liệu đã được trình bày tại BCTC kiểm toán năm 2021 tất cả các khoản cho vay đều có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Ngoài ra, nội dung giao dịch các bên liên quan luôn được trình bày trong thuyết minh BCTC kiểm toán năm và được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

Vấn đề cần nhấn mạnh số 2:

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: *“Tại Thuyết minh số VII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Công ty là (1.071.178.105.858) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 201.863.844.354 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.”*

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: “- Theo Thuyết minh số VIII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 400.377.130.932 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.”

Chúng tôi giải trình như sau: Tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng; Công ty mẹ là (1.071.178.105.858) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn 400.377.130.932 đồng; Công ty mẹ là 201.863.844.354 đồng; Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.767.001.573.335 đồng; Công ty mẹ là 1.756.548.994.568 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2021, Công ty đã cơ bản thực hiện thành công phương án tái cấu trúc tình hình tài chính của Doanh nghiệp, rà soát sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy nhân sự ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 để tập trung nguồn vốn nhằm giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, vay khác với số tiền 779.084.458.249 đồng (trong đó Công ty mẹ số tiền 224.547.817.346 đồng), giảm chi phí lãi vay so với năm 2020. Đồng thời tái cấu trúc lại tình hình tài chính Doanh nghiệp, tăng nguồn vốn lưu động để bổ sung duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận, giảm dần sự mất cân đối tài chính giữa các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty. Định hướng của Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu trong năm 2022 ÷ 2023, tập trung phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án kém hiệu quả nhằm giảm dần dư nợ gốc. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để tìm đối tác huy động nguồn vốn hoặc chuyển nhượng một phần dự án nhằm tất toán nợ gốc quá hạn ngân hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2023 và miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo Doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Vấn đề khác:

Tại báo cáo tài chính riêng lẻ:

“Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Công ty trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) đính kèm (xem Thuyết minh VII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.



- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.”

Tại báo cáo tài chính hợp nhất:

“ Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021, đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ có vấn đề cần nhấn mạnh. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của của Tập đoàn.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Tập đoàn trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) đính kèm (xem Thuyết minh VIII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.”

Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:

Nội dung trên chúng tôi đã giải trình tại công văn số 127/2021/CV-DLGL ngày 29/09/2021 đã gửi cho Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM về việc giải trình các vấn đề liên quan đến BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2021.

Công ty thực hiện điều chỉnh một số sai sót của năm trước trên BCTC năm 2021 theo quy định tại đoạn 23 và đoạn 37 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót”.

Do các nguyên nhân sau:

- Ban Tổng giám đốc đã tiến hành rà soát xét thấy khoản thanh lý đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1 chưa đủ điều kiện ghi nhận theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng góp vốn năm 2020. Trước đây, Công ty (mẹ) đã hạch toán giảm toàn bộ khoản đầu tư này, hiện tại đã trình bày lại khoản đầu tư này thành Đầu tư tài chính ngắn hạn.

- Công ty CP BOT và BT Gia Lai (công ty con) đã hủy bút toán trích lập dự phòng phải thu Công ty (mẹ) trong năm 2019 và 6 tháng cuối năm 2020 do sau khi đánh giá lại rủi ro về thu hồi công nợ đến hiện tại xét thấy không đủ điều kiện ghi nhận khoản trích lập dự phòng phải thu này. Trước đây, khi trích lập dự phòng đầu tư tài chính Công ty (mẹ) vẫn tính toán trên giá trị thuần của Công ty con bao gồm khoản dự phòng phải thu mà Công ty con đã hủy.

- Công ty chưa loại trừ dự phòng phải thu do Công ty (mẹ) trích lập với Công ty CP Bến xe liên tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng (công ty con) trong năm 2020 khi hợp nhất báo cáo Tập đoàn. Trước đây, Công ty vẫn trình bày khoản dự phòng phải thu Công ty (mẹ) trích lập với Công ty con trên báo cáo Hợp nhất Tập đoàn.

Ngoại trừ các khoản mục đã được điều chỉnh hồi tố trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021.



1. Đối với BCTC riêng lẻ tại mục VII.5 số liệu so sánh:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | (1) | (2) | (3) | (2)+(3) |
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Tài sản | | | | |
| - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | - | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 454.532.545.517 | (15.000.000.000) | 439.532.545.517 |
| - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (338.187.585.692) | (18.000.000.000) | (356.187.585.692) |
| - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (394.063.125.368) | 7.370.940.336 | (386.692.185.032) |
| Cộng | | (277.718.165.543) | 24.370.940.336 | (253.347.225.207) |
| Nguồn vốn | | | | |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 92.093.726.239 | 17.000.000.000 | 109.093.726.239 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | (70.483.327.189) | 5.587.145.263 | (64.896.181.926) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | (1.044.755.169.532) | 1.783.795.073 | (1.042.971.374.459) |
| Cộng | | (1.023.144.770.482) | 24.370.940.336 | (998.773.830.146) |

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | (1) | (2) | (3) | (2)+(3) |
| Báo cáo hoạt động kinh doanh | | | | |
| - Chi phí tài chính | 22 | 856.110.228.051 | (19.783.795.073) | 836.326.432.978 |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 263.358.334.847 | 18.000.000.000 | 281.358.334.847 |
| - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | (1.015.818.624.383) | 1.783.795.073 | (1.014.034.829.310) |
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | (1.044.755.169.532) | 1.783.795.073 | (1.042.971.374.459) |
| - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | (1.044.755.169.532) | 1.783.795.073 | (1.042.971.374.459) |

2. Đối với BCTC hợp nhất tại mục VIII.5 số liệu so sánh:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | (1) | (2) | (3) | (2)+(3) |
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Tài sản | | | | |
| - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | - | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 813.423.192.266 | (15.000.000.000) | 798.423.192.266 |
| - Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi | 231 | (431.855.179.822) | (17.572.750.000) | (449.427.929.822) |

| | | | | |
|---|------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Cộng | | 381.568.012.444 | 17.427.250.000 | 398.995.262.444 |
| Nợ ngắn hạn | | 229.401.927.870 | 13.605.559.196 | 243.007.487.066 |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 140.233.087.163 | 17.000.000.000 | 157.233.087.163 |
| - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 89.168.840.707 | (3.394.440.804) | 85.774.399.903 |
| Vốn chủ sở hữu | | (555.256.086.202) | 3.821.690.804 | (551.434.395.398) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (865.906.565.649) | (1.090.142.036) | (866.996.707.685) |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | 421a | 40.694.978.917 | (2.145.460.067) | 38.549.518.850 |
| - <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | 421b | (906.601.544.566) | 1.055.318.031 | (905.546.226.535) |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | 310.650.479.447 | 4.911.832.840 | 315.562.312.287 |
| Cộng | | (325.854.158.332) | 17.427.250.000 | (308.426.908.332) |

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | (1) | (2) | (3) | (2)+(3) |
| Kết quả kinh Doanh | | | | |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 523.623.653.522 | (427.250.000) | 523.196.403.522 |
| - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | (828.805.773.340) | 427.250.000 | (828.378.523.340) |
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | (861.262.526.806) | 427.250.000 | (860.835.276.806) |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 54.867.646.714 | (756.696.563) | 54.110.950.151 |
| - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | (929.777.523.426) | 1.183.946.563 | (928.593.576.863) |
| - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | (906.601.509.499) | 1.055.318.030 | (905.546.191.469) |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | (23.176.013.927) | 128.628.533 | (23.047.385.394) |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | (3.029) | 4 | (3.025) |
| - Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | (3.029) | 4 | (3.025) |
| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
| | (1) | (2) | (3) | (2)+(3) |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | | | | |
| - Lợi nhuận trước thuế | 01 | (861.262.526.806) | 427.250.000 | (860.835.276.806) |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 304.203.186.932 | 17.572.750.000 | 321.775.936.932 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 225.078.000.487 | (18.000.000.000) | 207.078.000.487 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 323.920.715.503 | - | 323.920.715.503 |

Việc quyết định trình bày lại số liệu này ghi nhận những thay đổi vào lợi nhuận trong năm 2019 và 2020, nhằm đánh giá chính xác tình hình kết quả kinh doanh là bước đi quan trọng trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty.

V. Trình bày lại phương pháp lập lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp trên báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2021:

Để thuận lợi trong việc lập BCTC hợp nhất của Công ty và người đọc hiểu rõ hơn về việc sử dụng dòng tiền tại Công ty. Công ty xin trình bày lại lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp của BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2021 và các kỳ BCTC trong thời gian tới.

Dưới đây là lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp trên BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2021 như sau:

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-----------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 36.689.450.527 | (1.042.971.374.459) |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | (32.706.391.389) | 973.034.828.457 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | V.9, V.10, V.11 | 22.893.532.408 | 25.725.339.210 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | V.7, V.8, V.13 | (168.748.237.103) | 497.650.418.116 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | VI.4 | 47.888.094.550 | 6.059.303.101 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | VI.3, VI.4 | (107.275.200.988) | 254.768.322.438 |
| 06 | - Chi phí lãi vay | VI.4 | 172.535.419.744 | 188.831.445.592 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 3.983.059.138 | (69.936.546.002) |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 188.179.301.218 | 164.739.905.080 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 13.648.626.146 | 4.901.685.529 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | (101.067.254.365) | (103.877.224.643) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 39.222.733 | 439.755.247 |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (6.126.239.829) | (8.103.834.103) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.17 | (16.837.149) | (50.000.000) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (218.050.000) | (11.200.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 98.421.827.892 | (11.897.458.892) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (9.967.844.911) | (2.110.916.609) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | 78.216.900.000 |

| | | | | |
|--|--|------|--------------------------|-------------------------|
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (463.610.556.009) | (1.170.417.487.392) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 254.570.344.539 | 1.296.014.036.529 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (235.915.610.000) |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 158.193.505.700 | 17.000.000.000 |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 185.774.534.821 | 117.787.742.326 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 124.959.984.140 | 100.574.664.854 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | V.20 | 9.101.600.000 | 97.237.002.018 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | V.20 | (234.167.977.350) | (193.839.133.536) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | - | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (225.066.377.350) | (96.602.131.518) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | (1.684.565.318) | (7.924.925.556) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | V.1 | 5.609.663.982 | 13.534.697.168 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (95.561) | (107.630) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | V.1 | 3.925.003.103 | 5.609.663.982 |

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT.



Nguyễn Tường Cột

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt xác nhận việc trình bày trên của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai là đúng và phù hợp với thực tế. Kính mong Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh xem xét.

Trân trọng!

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH HỒNG

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VIETVALUES.